

Số: 01/2022/QĐST- TCDS

N, ngày 19 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui;

2. Ông Đàm Văn Kiều.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST-TCDS ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Anh Bùi Hải N, sinh năm 1967;

Nơi ĐKKHKT tại: Tổ 1, ấp G, xã G, thành phố Ph, tỉnh Kiên Giang;

Tạm trú: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

- Chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Bùi Thanh H, sinh năm 1972 và chị Trần Thị D, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Vợ chồng anh Bùi Hải N, chị Vũ Thị Đ với vợ chồng anh Bùi Thanh H, chị Trần Thị D thống nhất thỏa thuận xác định thửa đất số 79, tờ bản đồ số 25, thuộc đội 15 xã N, huyện N, diện tích 135 m² (Phía đông giáp Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn dài 7,80m;

phía tây giáp đường Giấy nhất dài 7,80m; phía Nam giáp thổ ông T dài 17,3m; phía Bắc giáp thổ ông Th dài 17,3m) theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 02 hộ ông Phạm Văn H đã chuyển nhượng cho hộ ông Bùi Thanh H ngày 15/5/2008 là của vợ chồng anh Bùi Hải N, chị Vũ Thị Đ (Hiện thừa đất trên và giấy chứng nhận của thửa đất vợ chồng anh Bùi Hải N, chị Vũ Thị Đ đang quản lý sử dụng). Vợ chồng anh Bùi Hải N, chị Vũ Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng anh Bùi Thanh H, chị Trần Thị D số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Vợ chồng anh Bùi Hải N, chị Vũ Thị Đ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh H, chị D có đơn yêu cầu thi hành án nêu anh N, chị Đ chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì anh N, chị Đ còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận nguyên đơn nộp toàn bộ. Vợ chồng anh Bùi Hải N, chị Vũ Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí anh N chị Đ phải nộp là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N chị Đ đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0001834 ngày 01/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh N chị Đ còn phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương